

Bản án số: 93/2022/HS-PT

Ngày: 17-5-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quân Vương.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Bà Nguyễn Thị Sang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 và 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 71/2022/TLPT-HS ngày 22 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Văn Bảo. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- ***Bị cáo có kháng cáo:***

Phạm Văn Bảo, sinh năm 2000 tại tỉnh Bình Phước; hộ khẩu thường trú: tổ 5, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: tổ 5, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2021 đến ngày 27/6/2021 thì được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam, thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/6/2021 cho đến nay, có mặt.

Trong vụ án còn có 02 bị cáo; 11 bị hại và 02 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T và Phạm Văn B là bạn bè với nhau. Khoảng giữa tháng 8/2020, Trường quen biết với Lê Văn T và nói với T là T biết chế biến mật ong giả. Nghe vậy, T nói với T là Tới sẽ tìm khách hàng mua mật ong để cho T bán với giá 500.000 đồng/lít mật ong giả. T bán mật ong giả có được Trường sẽ chia cho T 60% thì T đồng ý và rủ B cùng tham gia chế biến và bán mật ong giả.

Khoảng tháng 4/2021, T và B cùng nhau đến thuê phòng số 10, nhà trọ Hồ Huy T, thuộc khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương để ở và chế biến mật ong giả. T và B mua nguyên liệu gồm đường cát trắng và phèn chua dạng bột tại chợ A và mật ong nuôi của một người phụ nữ tên N (không rõ nhân thân lai lịch) ở Miền Tây với giá 150.000 đồng/lít.

Cách thức chế biến mật ong giả của T và B như sau: để chế biến được khoảng 12 lít mật ong giả, cần 04 lít nước lọc đổ vào nồi nấu khoảng 2 phút thì đổ 12 ký đường cát trắng vào nấu chung và khuấy đều, cho đến khi lượng đường cát trắng được hòa tan toàn bộ. Khoảng 45 phút thì tắt bếp rồi hòa tan 100 gam phèn chua vào nồi, để nguội khoảng 7 giờ đến 8 giờ thì được hỗn hợp nước + đường + phèn chua có màu nâu dạng sánh như mật ong. Sau đó, T và B sử dụng ca nhựa loại 2000ml để san chiết hỗn hợp này vào từng can nhựa màu trắng loại 01 lít và 02 lít nhưng chỉ đổ  $\frac{3}{4}$  can,  $\frac{1}{4}$  can còn lại được phủ mật ong nuôi lên trên nhằm tạo mùi thơm của mật ong với mục đích để phòng người mua có mở can ra để kiểm tra thì cũng không phát hiện ra phần mật ong giả bên dưới.

Để có được khách hàng, T sử dụng công cụ tìm kiếm “Google” tìm danh sách số thuê bao di động của những người dân ở khu vực cần bán rồi sử dụng các số thuê bao rác để gọi cho từng khách hàng. T giới thiệu mình tên là “Hùng” có người thân đi rừng nên lấy được vài lít mật ong rừng cần bán. Nếu khách đồng ý mua thì T sử dụng số thuê bao di động 0908.321.005 gửi tin nhắn chứa thông tin của khách hàng cho T, gồm tên khách hàng, số điện thoại của khách hàng, giá bán. Sau đó, T sử dụng số thuê bao di động 0938.027.775 gọi cho từng khách hàng hỏi địa chỉ rồi đem mật ong giả đến giao theo số lượng mà khách hàng đặt mua.

Khoảng 10 giờ 30, ngày 16/6/2021, T sử dụng số thuê bao di động 0908.321.005 nhắn tin gửi cho T 18 số thuê bao di động của khách hàng đặt mua mật ong trên địa bàn thị xã B. Sau đó, B điều khiển xe mô tô hiệu Blade, biển số 93E1-128.26 chở T và giỏ xách màu xanh đựng 16 lít mật ong giả đến địa bàn thị xã B, T liên lạc được với 04 khách hàng bán được 06 lít mật ong giả thu được 3.000.000 đồng, gồm chị Đỗ Thị H mua 01 lít; chị Nguyễn Thị T mua 01 lít; ông Nguyễn Ánh Đ mua 02 lít; ông Nguyễn Hoàng Minh Q mua 02 lít.

Khoảng 08 giờ 35 phút ngày 17/6/2021, T nhận được 20 số thuê bao di động của khách hàng đặt mua mật ong trên địa bàn thị xã Bến Cát từ tin nhắn của T. Sau đó, B tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 93E1-128.26 chở Trường cùng 22 lít mật ong giả đến địa bàn thị xã B, T liên lạc được với 08 khách hàng bán được 20 lít mật ong giả thu được 11.000.000 đồng, gồm: chị Hoàng Ngọc H mua 01 lít; chị Nguyễn Thị Ngọc Đ mua 04 lít; chị Nguyễn Ánh Trang Đ mua 02 lít; anh Nguyễn Văn N mua 02 lít; chị Nguyễn Thị Thiên T mua 06 lít; anh

Phạm Văn T mua 03 lít; anh Nguyễn Văn N mua 02 lít; bà Lê Thị Hương mua 02 lít. Cùng ngày, T sử dụng số tài khoản 2320.153.273.922 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội của T chuyển số tiền 6.000.000 đồng đến số tài khoản 050.065.713.427 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín của Tới.

Khoảng 08 giờ ngày 18/6/2021, T sử dụng số thuê bao di động 0908.321.005 nhắn tin gửi cho T 14 số thuê bao di động của khách hàng đặt mua mật ong trên địa bàn thị xã B. Sau đó, B điều khiển xe mô tô hiệu Abaler, biển số 93E1-128.26 chở T và giỏ xách màu xanh đựng 18 lít mật ong giả đến địa bàn thị xã B, T liên lạc được với 02 khách hàng bán được 06 lít mật ong giả thu được 3.000.000 đồng, gồm anh Nguyễn Xuân V mua 01 lít; anh Huỳnh Anh H mua 05 lít. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi T đang giới thiệu mật ong giả cho một người phụ nữ tại quán cà phê Nhật Kỳ cạnh đường Quốc lộ 13 thì lực lượng Công an phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương đến mời B và T về trụ sở để làm việc.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển số 93E1-128.26 nhãn hiệu Honda, loại Alade, màu đen xám đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone X, màu trắng; 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn B; 08 can nhựa mật ong loại 01 lít; 02 can nhựa mật ong loại 02 lít; tiền mặt 500.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 11Pro màu đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 6 màu xám đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Quang T; 01 chai nước suối dung tích 500ml được dán nhãn hiệu Aquafina, bên trong có chứa chất màu nâu vàng giống mật ong; 02 can nhựa loại 01 lít không có nhãn hiệu bên trong có chứa chất màu nâu vàng giống mật ong; 01 bếp gas mini nhãn hiệu NaMilux màu đỏ đã qua sử dụng; 01 nồi bằng kim loại màu trắng bạc, tình trạng đã qua sử dụng; 01 can nhựa màu trắng nhãn hiệu Đại Dong Tiên dung tích 2000ml, tình trạng đã qua sử dụng.

Tại Bản báo cáo kết quả thử nghiệm của Công ty trách nhiệm hữu hạn Euroris Sắc Ký Hải Đăng căn cứ vào kết quả thử nghiệm mã kết quả AR-21-VD-077436-01/EUVNHC-00143680 và mã kết quả AR-21-VD 077437-01/EUVNHC-00143680 kết luận:

+ Mẫu mật ong của T và B sử dụng để bán cho khách hàng mã số mẫu 743-2021-00071482 không đạt các tiêu chí của mật ong nguyên chất (mẫu không có Protein của mật ong, hàm lượng C4 lớn hơn 7%) và đường tạp chất được phát hiện.

+ Mẫu mật ong của T và B sử dụng bán cho ông H mã số mẫu: 743.2021-00071484 không đạt các tiêu chí của mật ong nguyên chất (mẫu không có Protein của mật ong, hàm lượng C4 lớn hơn 7%) và đường tạp chất được phát hiện.

Đối với xe mô tô hiệu biển số 93E1-128.26, xe do bà Phạm Thị L đứng tên chủ sở hữu. Đầu năm 2021, bà L giao xe và giấy tờ cho ông Huỳnh Bách T là con trai của bà L làm phương tiện đi lại. Tháng 6/2021, T cho B mượn xe để xuống tỉnh Bình Dương xin việc làm.

Ngày 25/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả xe cho bà L; giao trả cho Phạm Văn B 01 giấy chứng minh nhân dân; giao trả cho Phạm Quang T 01 điện thoại di động hiệu iPhone, 01 căn cước công dân; giao trả cho Phạm Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 chứng minh nhân dân.

Về trách nhiệm dân sự: Phạm Quang T, Phạm Văn B, Lê Văn T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Huỳnh Anh H số tiền 2.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ số tiền 2.000.000 đồng, ông Nguyễn Trần Ngọc số tiền 1.000.000 đồng, bà Nguyễn Ánh Trang Đ số tiền 1.000.000 đồng, ông Hoàng Ngọc Q số tiền 500.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thiên T số tiền 3.000.000 đồng, ông Nguyễn Xuân Việt số tiền 500.000 đồng, ông Phạm Văn T số tiền 1.500.000 đồng. Bà Lê Thị H, Đỗ Thị Thương L, Nguyễn Thị T, ông Phan Văn N, Nguyễn Ánh Đ và ông Nguyễn Hoàng Minh Q không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Quá trình điều tra, Lê Văn T, Phạm Quang T, Phạm Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của phù hợp với các tài liệu chứng cứ, thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra, T, T và B còn khai đã thực hiện hành vi bán mật ong giả cho nhiều người tại địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương nhưng không xác định được bị hại.

Tại bản Cáo trạng số 244/CT-VKS ngày 27/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Phạm Quang Trường, Lê Văn T, Phạm Văn B về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Quang T, Lê Văn T, Phạm Văn B phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Phạm Quang T, Lê Văn T, Phạm Văn B.

- Xử phạt bị cáo Phạm Quang T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2021 đến ngày 27/6/2021.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2021 đến ngày 27/6/2021.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24/01/2022, bị cáo Phạm Văn B làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Xét thấy bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gì mới, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nhưng cấp sơ thẩm khi xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là chưa đúng nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm. Tại phần tranh luận và lời nói sau cùng của bị cáo: mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn B được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Từ ngày 16/6/2021 đến ngày 18/6/2021, tại địa bàn thị xã B, các bị cáo Lê Văn T, Phạm Quang T và Phạm Văn B đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, Tới liên hệ với khách hàng nói có bán mật ong rừng, còn T và B chế biến mật ong giả và đã đem bán cho 14 người được 34 lít mật ong giả, chiếm đoạt số tiền 17.000.000 đồng bao gồm các bị hại: Bà Đỗ Thị Hương Lan, bà Nguyễn Thị Thi, bà Hoàng Ngọc Q, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, bà Nguyễn Ánh Trang Đ, ông Nguyễn Trần N, bà Nguyễn Thị Thiên T, ông Phạm Văn T, ông Phan Văn N, ông Nguyễn Xuân V, ông Huỳnh Anh H, bà Lê Thị H, ông Nguyễn Ánh Đ và ông Nguyễn Hoàng Minh Q, trong đó:

Ngày 16/6/2021, T và B bán được 06 lít mật ong giả, chiếm đoạt được 3.000.000 đồng.

Ngày 17/6/2021, T và B bán được 22 lít mật ong giả, chiếm đoạt được 11.000.000 đồng.

Ngày 18/6/2021, B và T bán được 06 lít mật ong giả, chiếm đoạt được 3.000.000 đồng.

Hành vi chế biến mật ong giả rồi dùng các thủ đoạn và lời nói nhằm mục đích cho các bị hại tin rằng là mật ong rừng và bán với giá 500.000 đồng mỗi lít để lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền 17.000.000 đồng của các bị

cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo tội danh, khung hình phạt và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gì mới, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, tuy nhiên bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nhưng cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa đúng, Hội đồng xét xử sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp, đối với mức hình phạt là phù hợp nên không có cơ sở xem xét giảm nhẹ. Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo, xét bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận; xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, việc không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian không làm ảnh hưởng đến việc phòng chống tội phạm tại địa phương, bị cáo đủ điều kiện áp dụng Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là phù hợp. Đối với đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trịnh Văn H phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn B. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2022/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương về biện pháp chấp hành hình phạt.

2. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

3. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Văn B không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã B(2);
- Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an thị xã B;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Tổ Hành chính tư pháp (2);
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, LTH, 13.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Quân Vương**